

Số: 46/2020/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 23 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức đóng góp, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chính sách đối với viên chức, người lao động trực tiếp làm công tác cai nghiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 về quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện và Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 về quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Thông tư 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều

của Nghị định 26/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Xét Tờ trình số 2467/TTr-UBND ngày 05/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức đóng góp, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và chính sách đối với viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức đóng góp và các chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Quy định mức trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động trực tiếp làm công tác cai nghiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Người nghiện ma túy (có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị) tự nguyện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Viên chức, người lao động (theo Nghị định của Chính phủ) trực tiếp làm công tác cai nghiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nội dung mức đóng góp, chế độ hỗ trợ

1. Mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện

a) Đóng góp 20% chí phí tiền ăn hàng tháng, tiền ăn thêm vào các ngày lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, chế độ ăn đối với học viên bị ốm theo định mức quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp

dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

b) Đóng góp 20% chi phí tiền mua chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ (trang cấp một lần) theo định mức quy định Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP;

c) Đóng góp 100% chi phí chi sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với người cai nghiện tự nguyện;

Riêng đối với đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 48a, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung tại Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP (bao gồm: thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng) thì đóng góp 5% chi phí chi sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường;

d) Tiền sinh hoạt văn nghệ, hoạt động thể thao: 70.000 đồng/người/lần;

e) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

f) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 150.000 đồng/người/lần;

g) Chi phí phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/người/tháng;

h) Chi phí học tập văn hóa, học nghề (trường hợp người cai nghiện có nhu cầu): Thu theo mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

i) Chi phí tham gia bảo hiểm y tế: Thu theo quy định của Bảo hiểm y tế.

2. Các chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện

Ngoài các chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 1 và khoản 2, Điều 4, Thông tư 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, được hỗ trợ thêm các khoản chi phí sau đây:

a) Hỗ trợ 80% chi phí tiền ăn hàng tháng, tiền ăn thêm vào các ngày lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, chế độ ăn đối với học viên bị ốm theo định mức quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP;

b) Hỗ trợ 80% chi phí tiền mua chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ (trang cấp một lần) theo định mức quy định Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP;

c) Hỗ trợ 100% về chỗ ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Mức trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc trực tiếp công tác cai nghiện ma túy tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 tỉnh Quảng Trị bằng 800.000 đồng/tháng/người.

4. Trong trường hợp giá cả tiêu dùng biến động trên 20% thì giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức trợ cấp đặc thù tương ứng cho phù hợp.

Điều 3. Kinh phí và thời gian thực hiện

a) Các khoản đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình của người cai nghiện ma túy tự nguyện) được thu để thực hiện các khoản chi phí phát sinh thực tế bảo đảm đáp ứng việc tổ chức cai nghiện có hiệu quả và quản lý đúng theo quy định pháp luật.

b) Kinh phí thực hiện hỗ trợ được ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

c) Thời gian thực hiện chính sách: từ ngày 01/8/2020.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Các Bộ: LĐTBXH, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, TAND, VKSND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng